

Số: 231/BCB-BV71TW

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Cục Quản lý Khám bệnh, chữa bệnh – Bộ Y Tế

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện 71 Trung ương

Số giấy phép hoạt động số: 219/BYT- GPHĐ Cơ quan cấp: Bộ Y Tế, ngày 29 tháng 03 năm 2023.

Địa chỉ: Phố Phú Quý, Phường Quảng Tâm, Thành phố Thanh Hóa.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bs.CKII Thiều Đình Hưng

Điện thoại liên hệ: 0237 3208 018

Email : benhvien71tw@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96 /2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Tai mũi họng
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Mắt
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Da liễu
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Gây mê hồi sức
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu

- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Huyết học – truyền máu, hóa sinh
- Y sỹ với phạm vi hành nghề đa khoa
- Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh Y học

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (có danh sách kèm theo)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Hợp đồng số: 27/ HĐĐTTH ngày 09 tháng 01 năm 2025.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

STT	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa	240
2	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa	210
3	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu	10
4	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	35
5	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa	15
6	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Tai mũi họng	10
7	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt	10
8	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Mắt	5
9	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Da liễu	5
10	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Gây mê hồi sức	10
11	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu	10
12	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh	20
13	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Huyết học – truyền máu, hóa sinh	10
14	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa	415
15	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học	55

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 1.000.000 Đồng/ tháng (Một triệu đồng/tháng)

Bệnh viện 71 Trung ương cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

6. Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố: *(phụ lục 02)* Danh sách người hướng dẫn thực hành; Kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Lưu VT, CĐT.



Thieu Đình Hưng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Số ...27...../HĐĐTTH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Hôm nay, ngày 09 tháng 01 năm 2025 chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN 71 TRUNG ƯƠNG

- Đại diện: Ông Thiệu Đình Hưng
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: phường Quảng Tâm – Thành phố Thanh Hóa – Thanh Hóa
- Điện thoại: 02373.208.018
- Mã số thuế: 2800724710
- Số tài khoản:

BÊN B: BỆNH VIỆN ĐA KHOA SẦM SƠN

- Đại diện: Ông Đình Công Hưng
- Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: 83 Nguyễn Du – phường Bắc Sơn – TP Sầm Sơn – Thanh Hóa
- Điện thoại: 02373.821.521
- Mã số thuế: 2801250661
- Số tài khoản:

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận ký kết Hợp đồng đào tạo thực hành với những điều khoản cơ bản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1. Đối tượng thực hành: Học viên là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật y, nữ hộ sinh của các lớp tập huấn theo danh mục các lớp tập huấn đã được Bệnh viện 71 Trung ương phê duyệt.
2. Số lượng người thực hành: Tùy theo tình hình thực tế, số lượng người thực hành sẽ được hai bên thỏa thuận thống nhất ở Hợp đồng chi tiết phù hợp với quy định.
3. Người hướng dẫn thực hành của Bệnh viện Đa khoa Sầm Sơn là người đủ điều kiện là người hướng dẫn có trình độ chuyên môn phù hợp theo NĐ 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023.
4. Nội dung chuyên môn thực hành: chuyên khoa Sản được thống nhất trong Hợp đồng chi tiết theo quy định hiện hành.

5. Thời gian thực hành: Được thống nhất trong Hợp đồng chi tiết theo quy định hiện hành.

6. Địa điểm thực hành: Tại Bệnh viện Đa khoa Sầm Sơn

7. Chi phí thực hành: Được hai bên thống nhất trong Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành của từng khóa.

8. Thời hạn của Hợp đồng: 05 năm kể từ ngày ký.

9. Hàng năm hai bên sẽ thảo luận và thống nhất chương trình đào tạo thực hành vào đầu khóa học trước khi ký hợp đồng chi tiết (tùy theo kế hoạch).

10. Chương trình thực hành đã được phê duyệt: Kèm theo Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành theo từng khóa học.

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.
- Thời hạn thanh toán: tùy theo thỏa thuận của hai bên, được thống nhất trong Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành theo từng khóa học.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ bên A

1. Quyền bên A

- Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- Các quyền khác (nếu có).

2. Nghĩa vụ bên A

- Cung cấp cho bên B thông tin người thực hành, kế hoạch đào tạo thực hành của khóa học.
- Thanh toán chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với bên B, quản lý, hướng dẫn học viên.
- Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với học viên của bên A tại cơ sở thực hành.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ bên B

1. Quyền bên B

- Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành phù hợp với chuyên môn.
- Chấm dứt hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu bên A vi phạm các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- Thu chi phí hướng dẫn thực hành theo thỏa thuận với bên A.
- Các quyền khác (nếu có).

2. Nghĩa vụ bên B

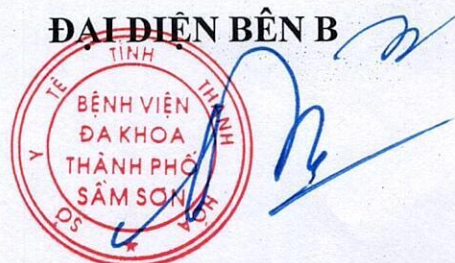
- Đảm bảo các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- Đảm bảo giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.
- Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định (nếu có).
- Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành theo quy định.
- Thực hiện các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.
2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra tòa án để giải quyết.
3. Hợp đồng này làm thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản.



Thiền Đình Hưng



Đình Công Hưng

Số: 230/KH-BV71TW

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 03 năm 2025

KẾ HOẠCH

Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 01/9/2023;

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 6873/QĐ-BYT, ngày 21/11/2016 về việc Ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện 71 Trung ương;

Căn cứ giấy phép hoạt động số 219/BYT-GPHĐ, ngày 29 tháng 03 năm 2023 Bộ Y tế cấp đối với Bệnh viện 71 Trung ương;

Bệnh viện 71 Trung ương xây dựng kế hoạch “Hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên” cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đào tạo thực hành, cập nhật nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm, xác nhận thời gian thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng thực hành;
- Hoàn thiện kỹ năng thực hành, các thủ thuật, kỹ thuật, chăm sóc người bệnh để đủ điều kiện cấp giấy phép hành nghề khám chữa bệnh cho các đối tượng bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên.

2. Yêu cầu

2.1 Đối với người thực hành

- Tuân thủ quy chế chuyên môn, nội quy Bệnh viện và các quy định của Nhà nước;
- Thực hiện các kỹ thuật trực tiếp trên người bệnh như khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh, thực hiện kê đơn thuốc dưới sự giám sát của người hướng dẫn thực hành;
- Tuân thủ theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành, không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật... khi chưa được người hướng dẫn cho phép;
- Được tập huấn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên

môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp ứng xử...;

- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh, đảm bảo kết quả thực hành theo yêu cầu.

2.2 Đối với người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện đúng quy chế chuyên môn, nội quy của Bệnh viện và các quy định của Nhà nước;

- Có trách nhiệm hướng dẫn người thực hành theo đúng quy định để đạt kết quả theo yêu cầu, đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

II. ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng thực hành

Bác sỹ y khoa, điều dưỡng, kỹ thuật viên y đã được cấp bằng tốt nghiệp các trường đào tạo khối ngành sức khỏe không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Đối tượng hướng dẫn thực hành

Thực hiện và đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 6, Điều 7, Mục 1, Chương II của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh.

3. Thời gian thực hiện

4. Các đối tượng đăng ký thực hành khám bệnh, chữa bệnh từ năm 2025 tại Bệnh viện 71 Trung ương sẽ thực hiện theo nội dung được ban hành tại kế hoạch này.

Trường hợp người tham gia thực hành đã ký hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với Bệnh viện trước 01/01/2024 nhưng chưa hoàn thành việc thực hành được tiếp tục thực hành theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12, Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 /7/2016 của Chính phủ và Kế hoạch thực hành đã ban hành trước đó của Bệnh viện 71 Trung ương

5. Địa điểm thực hành

Căn cứ vào đối tượng đăng ký tham gia thực hành, Bệnh viện sẽ phân bố về các khoa lâm sàng, cận lâm sàng phù hợp với nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo từng chức danh chuyên môn.

Đối với phạm vi chuyên môn bác sỹ y khoa thì thời gian thực hành chuyên khoa Sản: Tại Bệnh viện đa khoa Sầm sơn

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Hướng dẫn các văn bản áp dụng trong khám bệnh, chữa bệnh

1.1 Nội dung

- Quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh;

- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Kiểm soát nhiễm khuẩn.

1.2 Hình thức

- Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng;
- Tham gia hội thảo khoa học, sinh hoạt chuyên môn... tại Bệnh viện.

2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng

2.1 Đối với bác sỹ

2.1.1 Đối với phạm vi chuyên môn bác sỹ y khoa

a. Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 09 tháng và Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 03 tháng. Cụ thể:

- Thời gian thực hành chuyên khoa Nội: 02 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên khoa Ngoại 02 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên khoa Nhi: 02 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên khoa Sản: 02 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên khoa lẻ: 01 tháng
- Thời gian thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa;
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế .

2.1.2 Đối với phạm vi chuyên môn bác sỹ Nội khoa

a. Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng;
- Thời gian thực hành tại khoa Nội tổng hợp: 09 tháng.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội;
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

2.1.3 Đối với phạm vi chuyên môn bác sỹ Ngoại khoa

a. Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng;
- Thời gian thực hành tại khoa Ngoại: 09 tháng.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại;
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

của Bộ Y tế.

2.1.4 Đối với phạm vi chuyên môn bác sĩ Nhi khoa

a. Thời gian thực hành

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh là 12 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu: 03 tháng;
- Thời gian thực hành tại khoa Nhi: 09 tháng.

b. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi;
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

2.2 Đối với điều dưỡng, kỹ thuật viên y

2.2.1 Điều dưỡng

a) Thời gian thực hành

- Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh điều dưỡng là 06 tháng, trong đó:
- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh được phân bổ về các khoa lâm sàng phù hợp với từng chức danh chuyên môn là 05 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

b) Nội dung thực hành

Danh mục kỹ thuật trong Mục lục I, II Phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

2.2.2 Kỹ thuật viên xét nghiệm y học

a) Thời gian thực hành:

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh kỹ thuật viên xét nghiệm y học là 06 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Xét nghiệm là 05 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

b) Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong Mục lục I, II Phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

2.2.3 Kỹ thuật viên hình ảnh y học

a) Thời gian thực hành:

Thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh kỹ thuật viên hình ảnh

y học là 06 tháng, trong đó:

- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Chẩn đoán hình ảnh là 05 tháng;
- Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 01 tháng.

b) Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong Mục lục I, II Phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT- BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Xây dựng Kế hoạch hướng dẫn thực hành để cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng đăng ký thực hành tại Bệnh viện;
- Xây dựng nội dung chương trình thực hành cho bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên;
- Tiếp nhận và quản lý hồ sơ đối tượng thực hành theo quy định, soạn thảo Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh giữa Bệnh viện và người thực hành theo *mẫu 04 quy định tại Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP*.
- Tham mưu đề phân công người hướng dẫn thực hành trình Giám đốc bệnh viện ký theo quy định tại *mẫu 06 quy định tại Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ- CP* đảm bảo phù hợp về chuyên môn, năng lực;
- Tham mưu cấp giấy xác nhận quá trình thực hành cho người thực hành theo quy định tại *mẫu 07 quy định tại Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP*;
- Theo dõi, giám sát, quản lý hoạt động hướng dẫn thực hành tại đơn vị;
- Thực hiện các hoạt động báo cáo về thực hành của đơn vị khi được yêu cầu.

2. Phòng Đào tạo, NCKH & Chỉ đạo tuyến

- Là đầu mối phối hợp với các khoa, phòng có liên quan tổ chức các lớp tập huấn theo quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh.

3. Phòng Tổ chức cán bộ

- Phối hợp với phòng Kế hoạch tổng hợp trong việc ký hợp đồng thực hành (lập danh sách các bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên được ký hợp đồng nhưng chưa có CCHN gửi phòng KHTH).

4. Phòng Điều dưỡng

- Phối hợp với phòng Kế hoạch tổng hợp xây dựng chương trình đào tạo thực hành cho điều dưỡng, kỹ thuật viên;
- Phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn liên quan đến chuyên môn điều dưỡng và chăm sóc người bệnh;
- Phối hợp với các khoa, phòng theo dõi, giám sát, quản lý hoạt động thực hành của

điều dưỡng, kỹ thuật viên.

5. Các khoa, phòng có liên quan

- Phối hợp thực hiện sự phân công về hướng dẫn thực hành của Giám đốc Bệnh viện (theo quy định Khoản 2 Điều 7 Nghị định 96/2023/NĐ-CP);
- Tiếp nhận, quản lý, hướng dẫn thực hành cho người đối tượng thực hành theo quy định;
- Nhận xét kết quả thực hành và chịu trách nhiệm về nội dung đã nhận xét.

6. Người hướng dẫn thực hành

- Thực hiện hướng dẫn thực hành theo quyết định đã được phân công.
- Sau khi người thực hành kết thúc thời gian thực hành, người dẫn thực hành đánh giá, nhận xét quá trình thực hành theo từng nội dung quy định.
- Đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

7. Người thực hành

- Tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Tuân thủ quy định, quy chế chuyên môn của cơ sở thực hành và tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành, giữ bí mật thông tin của người bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong quá trình thực hành.
- Thực hiện các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh. Nộp đầy đủ chi phí thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo thỏa thuận trong hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh với cơ sở hướng dẫn thực hành.
- Người thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị, không được tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép./.

Nơi nhận:

- Cục QL KBCB- BHYT;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Các khoa/ phòng trong BV(để t/h);
- Lưu VT, CĐT.



Thiều Đình Hưng

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH(Kèm theo Bản công bố số: 231/BCB-BV71TW ngày 05 tháng 03 năm 2025 của Bệnh viện 71 Trung ương)

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Nội khoa							
1	Thiều Đình Hưng	BS CK2	Lao và bệnh phổi, Nội khoa	0016886/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao và bệnh phổi, nội khoa	20	Nội soi Hô hấp, Tiêu hóa, Tai mũi họng
2	Hoàng Văn Ngọc	BS CK2	Lao và bệnh phổi, Nội khoa. Chẩn đoán hình ảnh	0016909/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa. Chẩn đoán hình ảnh	18	
3	Lê Ngọc Trường	BS CK2	Nội khoa	028445/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa.	34	
4	Nguyễn Văn Hiệu	BS CK2	Nội khoa	0016975/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	25	Nội soi Hô hấp, Tiêu hóa, Tai mũi họng
5	Lê Thị Huyền Dung	Bác sĩ	Nội khoa	039970/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa.	6	Hồi sức cấp cứu. Lọc máu hấp phụ trên bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết
6	Nguyễn Tuấn Anh	BS CK1	Nội khoa	0016954/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa.	15	
7	Lê Trọng Thạch	BS CK2	Nội khoa; Vi sinh	0017292/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa. Vi sinh	20	
8	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	BS CK1	Nội khoa. Da liễu	0028337/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa. Da liễu	10	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
9	Lương Thị Hòa	Bác sĩ	Nội khoa	043360/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	11	
10	Đặng Xuân Nam	BS CK1	Nội khoa	036007/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	18	
11	Nguyễn Thị Thảo	BS CK1	Nội khoa	0028340/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	17	
12	Phạm Bá Quế	BS CK2	Nội khoa	0016950/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	18	
13	Lê Thị Hằng	Bác sĩ	Nội khoa. Phục hồi chức năng	042803/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa. Phục hồi chức năng	4	
14	Trịnh Thị Trang	Bác sĩ	Nội khoa	042804/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	5	
15	Lê Văn Quế	Bác sĩ	Nội khoa	042633/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	14	
16	Hoàng Huy Long	Bác sĩ	Nội khoa	041608/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	6	
17	Đồng Mạnh Cường	Bác sĩ	Nội khoa	042634/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	10	
18	Phạm Văn Thắng	BS CK1	Nội khoa	0016937/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	26	
19	Lê Xuân Hội	BS CK1	Nội khoa	007491/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	9	
20	Lê Thu Hằng	BS CK1	Nội khoa	042597/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	16	
21	Hoàng Trọng Mẫn	BS CK1	Nội khoa; Nhi khoa	0016930/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa Nhi khoa	13	
22	Nguyễn Văn Mong	BS CK2	Nội khoa	0016923/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	19	
23	Phạm Thành Trung	BS CK2	Nội khoa; Hồi sức tích cực	0016940/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	17	Cấp cứu cơ bản. Thông khí nhân tạo;

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
							Chương trình đào tạo siêu âm cấp cứu WINFOCUS; Kiểm soát đường thở khó.
24	Nguyễn Anh Tuấn	BS CK1	Nội khoa	0016955/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	18	
25	Nguyễn Văn Thuyền	BS CK2	Nội khoa	0016969/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	18	
26	Lê Văn Tuấn	BS CK1	Nội khoa	0016992/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	19	
27	Nguyễn Thị Thu Yên	BS CK1	Nội khoa	0028334/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	15	
28	Nguyễn Văn Tường	BS CK1	Nội khoa	0028363/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	13	Chương trình nâng cao quản lý hen, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính.
29	Uông Ngọc Đăng	BS CK1	Nội khoa	039220/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	15	
30	Trịnh Thị Thủy	Bác sĩ	Nội khoa	039997/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	8	
31	Đào Thị Hương	BS CK1	Nội khoa	040805/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	7	Nội soi đường tiêu hóa trên; Nội soi phế quản ống mềm; Nội soi đại tràng ống mềm.
32	Đoàn Thu Trang	Bác sĩ	Nội khoa	040806/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	7	
33	Lê Văn Tuấn	Bác sĩ	Nội khoa	044102/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	17	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
34	Lê Thị Tuyết	BS CK2	Nội khoa; Phục hồi chức năng	0016973/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	9	
35	Nguyễn Ngọc Kiên	BS CK1	Nội khoa	036010/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	20	
36	Hà Thị Loan	BS CK1	Lao và bệnh phổi	0016965/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao và bệnh phổi	26	
37	Bùi Đức Anh Tuấn	ThS.BSNT	Nội khoa	019925/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao và bệnh phổi	04	
38	Nguyễn Huy Phương	BS CK2	Nội khoa	0016978/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao và bệnh phổi	25	
39	Nguyễn Thị Kim Oanh	BS CK1	Lao và bệnh phổi	0016986/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao và bệnh phổi	28	
40	Trịnh Văn Hà	BS CK1	Lao và bệnh phổi	0028364/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao và bệnh phổi	16	
41	Nguyễn Văn Tú	BS CK2	Nội khoa	0016932/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lao và bệnh phổi	24	
42	Trần Văn Hoàng	Bác sỹ	Nội khoa	047351/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội khoa	12	Nội soi đường tiêu hóa trên; Nội soi phế quản ống mềm; Nội soi đại tràng ống mềm.
2. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Hồi sức cấp cứu							

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
1	Lâm Quang Hùng	BS CK2	Hồi sức cấp cứu	0016996/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	15	
2	Hoàng Huy Long	Bác sĩ CKI	Nội khoa, Hồi sức cấp cứu	041608/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	6	
3. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Nhi khoa							
1	Lương Ngọc Trâm	BS CK2	Nhi khoa	0016924/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nhi khoa	20	Kỹ thuật chuyên ngành thần kinh và điện não đồ.
2	Hoàng Trọng Mẫn	BS CK1	Nội khoa; Nhi khoa	0016930/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa Nhi khoa	13	
3	Trịnh Minh Hùng	BS CK1	Nội khoa; Nhi khoa	0016934/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa Nhi khoa		
4. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Gây mê hồi sức							
1	Phạm Văn Khánh	BS CK1	Gây mê hồi sức	040804/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	7	
2	Hà Quang Hải	BS CK1	Gây mê hồi sức	0017288/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	17	
5. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Ngoại khoa							
1	Nguyễn Văn Tân	BS CK2	Ngoại khoa	0027137/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	16	
2	Lê Duy Trung	BS CK2	Ngoại khoa	0016949/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	18	Chấn thương.
3	Trịnh Ngọc Thắng	BS CK2	Ngoại khoa	0016952/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	27	Phẫu thuật nội soi cơ bản; Phẫu thuật hở lấy sỏi niệu quản; Phẫu thuật khâu trĩ dưới

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
							hướng dẫn của siêu âm doppler; Đọc điện tâm đồ; Phẫu thuật hở lấy sỏi niệu quản. Phẫu thuật nội soi qua đường niệu đạo.
4	Lưu Anh Đức	BS CK2	Ngoại khoa	0016993/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	17	Phẫu thuật nội soi cơ bản lần thứ 16; Phẫu thuật một số bệnh ung thư.
5	Phạm Đình Giới	BS CK2	Ngoại khoa	0016994/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	18	Phẫu thuật nội soi ổ bụng cơ bản.
6	Lê Hoàng Sơn	Bác sĩ	Ngoại khoa	040737/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	8	Nguyên tắc cơ bản và kỹ thuật mạch máu lồng ngực; Ung thư phế quản nguyên phát chi định và kỹ thuật mổ; Một số kỹ thuật mổ nội soi lồng ngực cơ bản; Phẫu thuật hở lấy sỏi niệu quản
7	Nguyễn Văn Cường	BS CK 1	Ngoại khoa	040738/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	8	Đọc điện tâm đồ; Một số kỹ thuật nội soi lồng ngực cơ bản; Ung thư phế quản nguyên phát chi định và kỹ thuật mổ.
6. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Ung Bướu							

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
1	Lê Văn Giao	BS CK2	Ung bướu	036009/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	19	
2	Vũ Hà Trang	BS CK1	Nội khoa, UB	039975/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	9	Hóa trị một số bệnh ung thư thường gặp
7. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Mắt							
1	Trần Thị Tâm	Bác sỹ	Mắt	041797/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	7	
8. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Tai mũi họng							
1	Vũ Tiến Cầu	BS CK1	Tai mũi họng	036018/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	7	
2	Lê Anh Việt	Bác sỹ	Tai mũi họng	028336/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	19	
9. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Răng hàm mặt							
1	Đặng Hùng Cường	BS CK1	Răng hàm mặt	009178/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	8	
2	Hà Thị Nguồn	Bác sỹ	Răng hàm mặt	040807/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	7	
10. Hướng dẫn thực hành bác sỹ dinh dưỡng lâm sàng							
1	Lê Thu Hằng	BS CK1	Nội khoa Dinh dưỡng Lâm sàng	042597/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	16	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
11. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh							
1	Lê Duy Hưng	BS CK2	Chẩn đoán hình ảnh	0016956/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	19	
2	Hoàng Văn Ngọc	BS CK2	Lao và bệnh phổi, Nội khoa. Chẩn đoán hình ảnh	0016909/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa. Chẩn đoán hình ảnh	18	
3	Nguyễn Thị Thủy	BS CKI	Chẩn đoán hình ảnh	036014/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	7	
4	Trịnh Thị Thủy	BS CKI	Chẩn đoán hình ảnh	039997/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa. Chẩn đoán hình ảnh	6	
5	Lê Văn Tuấn	BS CKI	Chẩn đoán hình ảnh	044102/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	4	
12. Hướng dẫn thực hành bác sỹ Huyết học – truyền máu							
1	Mã Thị Luyến	BS CK1	Huyết học truyền máu	039219/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học – truyền máu	9	
2	Đỗ Thị Thúy	BS CK1	Huyết học – truyền máu; Hóa sinh	0016904/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Huyết học – truyền máu; Hóa sinh	20	Chẩn đoán giải phẫu bệnh tế bào học.
13. Hướng dẫn thực hành Điều dưỡng							
1	Lê Thị Ngân	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016951/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
2	Lê Văn Hoan	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016964/BYT-CCHN	Điều dưỡng	17	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
3	Hoàng Văn Lực	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016968/BYT-CCHN	Điều dưỡng	15	
4	Hoàng Văn Bình	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028292/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
5	Trịnh Tiến Dũng	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016985/BYT-CCHN	Điều dưỡng	14	
6	Trần Thị Hương	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016982/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
7	Lê Thị Thùy	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017283/BYT-CCHN	Điều dưỡng	11	
8	Mai Thanh Nhân	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017284/BYT-CCHN	Điều dưỡng	15	
9	Dương Quốc Khánh	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016972/BYT-CCHN	Điều dưỡng	12	
10	Lê Thị Hương	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	039968/BYT-CCHN	Điều dưỡng	8	
11	Đỗ Việt Anh	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028293/BYT-CCHN	Điều dưỡng	7	
12	Trần Thị Hương	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028286/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
13	Nguyễn Thị Lan	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028273/BYT-CCHN	Điều dưỡng	11	
14	Đỗ Thị Ngọc	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017250/BYT-CCHN	Điều dưỡng	12	
15	Dương Thu Thủy	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016878/BYT-CCHN	Điều dưỡng	19	
16	Lê Thị Hường	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028268/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
17	Đào Thu Huyền	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017253/BYT-CCHN	Điều dưỡng	28	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
18	Lê Thị Thu Hiền	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017248/BYT-CCHN	Điều dưỡng	16	
19	Bùi Thị Kim Thúy	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016935/BYT-CCHN	Điều dưỡng	19	
20	Nguyễn Thị Loan	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016984/BYT-CCHN	Điều dưỡng	14	
21	Tạ Thị Nhung	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	039221/BYT-CCHN	Điều dưỡng	8	
22	Nguyễn Thị Hiền	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028284/BYT-CCHN	Điều dưỡng	17	
23	Nguyễn Thị Thùy Dung	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	043363/BYT-CCHN	Điều dưỡng	17	
24	Nguyễn Thị Thủy	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016944/BYT-CCHN	Điều dưỡng	13	
25	Nguyễn Thị Thu Huyền	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028266/BYT-CCHN	Điều dưỡng	24	
26	Ngô Thị Lệ Thu	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017255/BYT-CCHN	Điều dưỡng	23	
27	Nguyễn Thị Hoa	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028271/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
28	Lương Thị Thủy	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016897/BYT-CCHN	Điều dưỡng	13	
29	Lê Thị Kiều Vân	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016885/BYT-CCHN	Điều dưỡng	14	
30	Lê Thị Yên	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028287/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
31	Nguyễn Thị Hà	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017293/BYT-CCHN	Điều dưỡng	16	
32	Nguyễn Thị Sâm	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	039974/BYT-CCHN	Điều dưỡng	9	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
33	Lê Thị Khuyến	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	039224/BYT-CCHN	Điều dưỡng	4	
34	Lê Thị Yến	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017267/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
35	Nguyễn Thị Liên	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028281/BYT-CCHN	Điều dưỡng	9	
36	Đoài Văn Huy	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016979/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
37	Lê Thế Trung	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017282/BYT-CCHN	Điều dưỡng	24	
38	Vũ Thị Hoa	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028338/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
39	Lê Thị Hồng	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016922/BYT-CCHN	Điều dưỡng	12	
40	Vũ Thị Phượng	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017266/BYT-CCHN	Điều dưỡng	14	
41	Đào Thị Thắm	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	036013/BYT-CCHN	Điều dưỡng	8	
42	Lưu Xuân Tình	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016988/BYT-CCHN	Điều dưỡng	24	
43	Chu Thị Huyền	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016899/BYT-CCHN	Điều dưỡng	15	
44	Lê Thị Hồng	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017281/BYT-CCHN	Điều dưỡng	15	
45	Lê Thị Hà	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016921/BYT-CCHN	Điều dưỡng	16	
46	Nguyễn Thị Hồng	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016983/BYT-CCHN	Điều dưỡng	17	
47	Hoàng Thị Hoa	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016928/BYT-CCHN	Điều dưỡng	28	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
48	Trần Thị Hoa	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016953/BYT-CCHN	Điều dưỡng	23	
49	Nguyễn Thị Lua	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016925/BYT-CCHN	Điều dưỡng	15	
50	Lê Văn Hợi	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016987/BYT-CCHN	Điều dưỡng	12	
51	Nguyễn Thị Hoài	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	039969/BYT-CCHN	Điều dưỡng	14	
52	Trần Văn Trung	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016877/BYT-CCHN	Điều dưỡng	14	
53	Bùi Thị Thúy	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016970/BYT-CCHN	Điều dưỡng	22	
54	Nguyễn Trọng Tấn	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016938/BYT-CCHN	Điều dưỡng	14	
55	Hà Thị Anh	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016957/BYT-CCHN	Điều dưỡng	16	
56	Nguyễn Thị Thảo	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	043365/BYT-CCHN	Điều dưỡng	11	
57	Lê Thị Hiệp	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028276/BYT-CCHN	Điều dưỡng	9	
58	Nguyễn Hạnh Phương	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	039067/BYT-CCHN	Điều dưỡng	7	
59	Phạm Thị Nga	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016887/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
60	Hà Thị Na	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016882/BYT-CCHN	Điều dưỡng	15	
61	Lê Khắc Hiển	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016881/BYT-CCHN	Điều dưỡng	24	
62	Hoàng Thị Thuận	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016945/BYT-CCHN	Điều dưỡng	16	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
63	Lê Hữu Mười	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028277/BYT-CCHN	Điều dưỡng	12	
64	Lê Chí Cường	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016980/BYT-CCHN	Điều dưỡng	28	
65	Trần Thị Sen	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	036017/BYT-CCHN	Điều dưỡng	8	
66	Lê Quỳnh Nga	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017263/BYT-CCHN	Điều dưỡng	12	
67	Nguyễn Phương Nga	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028285/BYT-CCHN	Điều dưỡng	11	
68	Nguyễn Thị Lê	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016911/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	
69	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016927/BYT-CCHN	Điều dưỡng	14	
70	Doãn Thị Hương	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017270/BYT-CCHN	Điều dưỡng	19	
71	Phạm Thị Huệ	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016880/BYT-CCHN	Điều dưỡng	14	
72	Trần Thị Oanh	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	039069/BYT-CCHN	Điều dưỡng	17	
73	Doãn Hữu Cương	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028274/BYT-CCHN	Điều dưỡng	17	
74	Nguyễn Văn Tú	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017249/BYT-CCHN	Điều dưỡng	19	
75	Nguyễn Thị Nguyệt	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017276/BYT-CCHN	Điều dưỡng	19	
76	Lê Thị Oanh	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016963/BYT-CCHN	Điều dưỡng	34	
77	Nguyễn Thúy Hằng	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0028283/BYT-CCHN	Điều dưỡng	10	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
78	Nguyễn Thị Ly	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0017251/BYT-CCHN	Điều dưỡng	16	
79	Nguyễn Thị Thúy Vân	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016895/BYT-CCHN	Điều dưỡng	17	
80	Lê Đức Thành	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	15884/TH-CCHN	Điều dưỡng	11	
81	Nguyễn Văn Thương	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	000478/TH-CCHN	Điều dưỡng	13	
82	Nguyễn Thị Thảo	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	040808/BYT-CCHN	Điều dưỡng	8	
83	Trần Thị Hiền	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	0016995/BYT-CCHN	Điều dưỡng	16	
16. Hướng dẫn thực hành Kỹ thuật Y							
1	Lê Văn Lợi	Kỹ thuật y xét nghiệm	Xét nghiệm	0016888/BYT-CCHN	Xét nghiệm	16	
2	Lường Thị Hà	Kỹ thuật y xét nghiệm	Xét nghiệm	039077/BYT-CCHN	Xét nghiệm	4	
3	Lê Kim Long	Kỹ thuật y xét nghiệm	Xét nghiệm	0016901/BYT-CCHN	Xét nghiệm	13	
4	Dương Thị Phương	Kỹ thuật y xét nghiệm	Xét nghiệm	0017265/BYT-CCHN	Xét nghiệm	12	
5	Nguyễn Mạnh Hùng	Kỹ thuật y xét nghiệm	Xét nghiệm	044273/BYT-CCHN	Xét nghiệm	10	
6	Trần Việt Hà	Kỹ thuật y xét nghiệm	Xét nghiệm	044271/BYT-CCHN	Xét nghiệm		
7	Bùi Mạnh Hùng	Kỹ thuật y xét nghiệm	Xét nghiệm	0028297/BYT-CCHN	Xét nghiệm	11	
9	Mai Minh Phương	Kỹ thuật y	Chẩn đoán hình ảnh	0028294/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	25	

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị, chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Ghi chú
10	Hoàng Đình Đức	Kỹ thuật y	Chẩn đoán hình ảnh	0016913/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	18	
11	Nguyễn Văn Sang	Kỹ thuật y	Chẩn đoán hình ảnh	0016915/BYT-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	16	